CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI
BAN KIỂM SOAT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY VÀ KẾT QUẢN THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

Các căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH được quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn dưới Luật có liên quan;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải được sửa đổi lần 1 tháng 3/2009, lần 2 tháng 3/2010, lần 3 tháng 08/2011;
- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo đánh giá tình hình quản trị, điều hành công ty và kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2014 như sau:

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2014

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chương trình hoạt động hàng năm, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát tình hình hoạt động SXKD và tài chính của công ty; giám sát hoạt động của Ban điều hành với những nội dung công việc sau:

- Công tác giao nhận và thực hiện kế hoạch SXKD.
- Công tác giao nhận và thanh toán khoán.
- Công tác quản lý kỹ thuật chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008.
- Công tác đầu tu và mua sắm máy móc thiết bị, vật tư.
- Công tác xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các quy chế nội bộ.
- Việc thực hiện quy trình tuyển dụng lao động.
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2014.
- Thực hiện các chương trình kiểm tra khác theo yêu cầu của HĐQT và Tổng giám đốc:

+ Kiểm tra đánh giá hoạt động tài chính và công tác kế toán của công ty trong năm 2012, 2013.

+ Kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động tài nhà ăn công ty. Định lượng suất ăn.

+ Kiểm tra công tác vệ sinh lao động tại tổ dịch vụ, đánh giá hiệu quả hoạt động.

+ Kiểm tra công tác tài chính năm 2014 của Xí nghiệp TVĐT & XD TTTH.

Việc kiểm tra, giám sát được Ban kiểm soát thực hiện nhằm đánh giá tình hình tuân thủ các quy định của Pháp luật, nội quy, quy chế của công ty ở các đơn vị và các kết quả đều được lập thành báo cáo gửi HĐQT, Ban điều hành để kịp thời chấn chỉnh những tồn tại chủ quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD.

2. Kết quả kiểm tra, giám sát:

2.1 Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban điều hành:

Năm 2014, ngay sau đại hội cổ đông, thực hiện chủ trương đào tạo và phát triển đội ngũ kế cận đảm bảo tính bền vững của công ty. HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019 đã quyết định sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy lãnh đạo của công ty, của các đơn vị trong công ty trên cơ sở công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2015-2020 đã được đảng ủy TCT ĐSVN, đảng ủy công ty phê duyệt trong đó chú trọng lựa chọn các gương mặt lãnh đạo trẻ, năng động, dám nghĩ, dám làm. HĐQT đã ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc mới ; 2 phó Tổng giám đốc (01 Phó TGĐ phụ trách lĩnh vực cơ khí, đầu máy toa xe; 01 Phó TGĐ phụ trách kinh doanh thay thế đ/c Phó TGĐ được bổ nhiệm Tổng giám đốc; 2 giám đốc chi nhánh (XN Cầu Hầm; XN Khảo sát); 2 phó giám đốc chi nhánh (XN Cầu); 1 phó phòng (QLKD). Bộ máy SXKD của công ty về cơ bản vẫn giữ nguyên gồm: 7 chi nhánh, xí nghiệp (trong đó có 2 xí nghiệp hạch toán phụ thuộc); 01 trung tâm; 4 phòng ban tham mưu; Văn phòng; 1 phòng chuyên thực hiện các dự án chiến lược.

Việc rà soát, sửa đổi, hoàn chỉnh bổ sung hệ thống nội quy, quy chế được HĐQT chú trọng nhằm tiếp tục nâng cao tính chủ động của các chi nhánh, xí nghiệp và các đơn vị trong toàn công ty. Bộ máy SXKD tiếp tục hoạt động ổn định.

Trong năm, hòm thư của ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào.

2.2 Hoạt động đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng, mua sắm máy móc thiết bị, mua sắm công cụ BHLĐ:

Công ty đã đầu tư tư cơ sở vật chất hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị trong các năm của nhiệm kỳ 2009-2013 và hiện nay vẫn đang tiếp tục khai thác và sử dụng có hiệu quả, chủ yếu trong năm qua chỉ thực hiện mua sắm lẻ như một số máy tính, máy in thay thế. Việc mua sắm công cụ BHLĐ đảm bảo theo kế hoạch. Tuy nhiên việc phê duyệt kế hoạch mua sắm MMTB năm 2014 chậm. Việc lập và phê duyệt kế hoạch BHLĐ chậm.

2.2 Hoạt động đầu tư thương mại:

Dự án Khu nhà ở thương mại tại ga đường sắt Hải Dương, thành phố Hải Dương:

Trên cơ sở Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000675 do UBND tỉnh Hải Dương đã cấp cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và xây dựng GTVT ngày 07/6/2013. Trong năm 2014, Công ty đang làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Thành phố Hải Dương để hoàn thiện các thủ tục thu hồi và giao đất để Chủ đầu tư thực hiện dự án.

2.4 Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành công ty:

Trong năm, ban kiểm soát đã được HĐQT tạo điều kiện, nhận được sự phối hợp chặt chẽ của ban điều hành và các đơn vị trong công ty trong quá trình triển khai thực hiện chương trình hoạt động năm. Các thông tin, báo cáo cần thiết theo yêu cầu được cung cấp kịp thời và đầy đủ. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện chức năng và hoàn thành nhiệm vụ cuat mình.

PHẦN II
KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2014

Báo cáo tài chính năm 2014 đã được công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY ACA kiểm toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Qua thẩm tra, Ban kiểm soát đưa ra một số nhận xét sau:

A. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN:

Chứng từ, số sách kế toán đầy đủ, kỹ thuật ghi chép tuân thủ theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.

Báo cáo tài chính lập theo quy định thông tư 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.

Công tác lưu trữ tài liệu kế toán đảm bảo đúng chế độ.

B. KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH LẬP TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2014:

1. Số liệu tại ngày 31/12/2013:

Giá trị tài sản, vốn tại ngày 31/12/2013:

Tổng tài sản:	**121.083.168.195**
- Tài sản ngắn hạn:	106.993.686.292
- Tài sản dài hạn:	14.089.481.903
Tổng Nguồn vốn:	**121.083.168.195**
- Nợ phải trả:	85.123.145.698
- Vốn chủ sở hữu:	35.960.022.497
Trong đó:	
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	*20.295.890.000*
+ Quỹ đầu tư phát triển:	*10.898.899.342*
+ Quỹ dự phòng tài chính:	*2.134.868*
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	*4.462.732.517*
+ Nguồn kinh phí và quỹ khác:	*300.365.770*

2. Báo cáo tài chính lập tại ngày 31/12/2014:

- Căn cứ số liệu trên báo cáo tài chính do phòng TCKT lập đã được TNHH kiểm toán và tư vấn UHY ACA kiểm toán.
- Căn cứ điều lệ công ty tại điều 51 "Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ".
- Ban kiểm soát đã xem xét các số liệu và đưa ra ý kiến như sau:

Giá trị tài sản, vốn tại ngày 31/12/2014:

Tổng tài sản:	**124.377.448.509**
- Tài sản ngắn hạn:	103.918.751.797
- Tài sản dài hạn:	20.458.696.712
Tổng Nguồn vốn:	**124.377.448.509**
- Nợ phải trả:	91.817.682.196
- Vốn chủ sở hữu:	32.559.766.313
Trong đó:	
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	*20.295.890.000*
+ Quỹ đầu tư phát triển:	*10.898.899.342*
+ Quỹ dự phòng tài chính:	*271.195.440*
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	*2.341.825.139*
+ Nguồn kinh phí và quỹ khác:	*(1.248.043.608)*

3. Cơ cấu sở hữu cổ phần tính đến ngày 31/12/2014:

ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CỔ PHẦN	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU (CỔ PHIẾU)	TỶ LỆ NẮM GIỮ (%)	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)
Đường Sắt Việt Nam	994.504	49	2
Các cổ đông là CBCNV cty	425.419	20.96	95
Các cổ đông bên ngoài cty	609.666	30.04	154
Cộng	**2.029.589**	**100**	**250**

Trên cơ sở số liệu tại thời điểm 31/12/2014, bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được thể hiện như sau :

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	1/1/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**103,918,751,797**	**106,993,686,292**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**4,120,837,440**	**2,376,030,829**
Tiền	111		4,120,837,440	2,376,030,829
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**6,000,000,000**	**6,000,000,000**
Đầu tư ngắn hạn	121		6,000,000,000	6,000,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**58,576,175,098**	**69,814,959,724**
Phải thu khách hàng	131		45,528,412,634	60,503,368,944
Trả trước cho người bán	132		5,354,574,809	5,093,958,559
Phải thu nội bộ	133		3,344,488,156	1,116,375,661
Các khoản phải thu khác	135	5	4,583,363,499	3,335,920,560
Dự phòng các khoản thu khó đòi	139		(234,664,000)	(234,664,000)
Hàng tồn kho	**140**		**32,478,343,509**	**26,341,939,564**
Hàng tồn kho	141	6	32,478,343,509	26,341,939,564
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2,743,395,750**	**2,460,756,175**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56,119,500	
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		4,000,000	
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	2,683,276,250	2,460,756,175
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**20,458,696,712**	**14,089,481,903**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**9,226,681,800**	
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		9,226,681,800	
Tài sản cố định	**220**		**10,358,962,863**	**12,133,833,385**
Tài sản cố định hữu hình	221	8	9,874,609,112	11,593,276,521
Nguyên giá	*222*		*27,990,553,446*	*27,913,653,446*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(18,115,944,334)*	*(16,320,376,925)*
Tài sản cố định vô hình	227	9	275,649,387	331,852,500
Nguyên giá	*228*		*923,552,909*	*874,462,000*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(647,903,522)*	*(542,609,500)*
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	208,704,364	208,704,364
Tài sản dài hạn khác	**260**		**873,052,049**	**1,955,648,518**
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	833,052,049	1,915,648,518
Tài sản dài hạn khác	268		40,000,000	40,000,000
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**124,377,448,509**	**121,083,168,195**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	1/1/2014
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**91,817,682,196**	**85,123,145,698**
Nợ ngắn hạn	**310**		**91,817,682,196**	**85,123,145,698**
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	43,356,479,678	26,886,294,426
Phải trả người bán	312		12,723,468,012	14,454,830,915
Người mua trả tiền trước	313		13,724,708,086	17,465,994,570
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	13	5,314,067,176	5,824,583,594
Phải trả người lao động	315		8,122,353,848	13,171,294,772
Chi phí phải trả	316		426,232,082	182,847,319
Phải trả nội bộ	317			1,261,200,000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	7,725,860,945	5,181,538,405
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		424,512,369	694,561,697
Nợ dài hạn	**330**			
Vay và nợ dài hạn	334		0	0
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**32,559,766,313**	**35,960,022,497**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**15**	**33,807,809,921**	**35,659,656,727**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20,295,890,000	20,295,890,000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
Quỹ đầu tư phát triển	417		10,898,899,342	10,898,899,342
Quỹ dự phòng tài chính	417		271,195,440	2,134,868
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,341,825,139	4,462,732,517
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**(1,248,043,608)**	**300,365,770**
Nguồn kinh phí	432	16	(1,248,043,608)	300,365,770
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**124,377,448,509**	**121,083,168,195**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	mã số	2014	2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**	**79,178,268,769**	**101,661,659,065**
Các khoản giảm trừ doanh thu	2		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**79,178,268,769**	**101,661,659,065**
Giá vốn hàng bán	11	52,071,007,763	71,350,894,402
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**	**27,107,261,006**	**30,310,764,663**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	430,834,639	927,428,078
Chi phí tài chính	22	3,229,045,002	2,034,252,795
Trong đó: chi phí lãi vay	*23*	*3,223,822,969*	*1,688,778,848*
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21,561,709,032	24,371,120,239
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**	**2,747,341,611**	**4,832,819,707**
Thu nhập khác	31	122,378,753	96,030,820
Chi phí khác	32	233,381,315	6,496,502
Lợi nhuận khác	**40**	**(111,002,562)**	**89,534,318**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	**2,636,339,049**	**4,922,354,025**
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	642,021,631	1,242,559,113
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**	**1,994,317,418**	**3,679,794,912**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	983	1,813

Ghi chú: Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2014: 2.029.589 cp

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC TỪ 31/12/2013 ĐẾN 31/12/2014

Số phải nộp (bao gồm nợ 2013 chuyển sang):	11.604.456.059
Số đã nộp năm 2014:	6.290.388.883
Số còn phải nộp:	**5.314.067.176**

ĐỀ NGHỊ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014

CHỈ TIÊU	ĐVT		SỐ TIỀN
1. Lợi nhuận 2013 còn lại chưa phân phối	**đồng**		**347,507,721**
2. Lợi nhuận thực hiện 2014	**đồng**		**2,636,339,049**
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	**đồng**		**642,021,631**
4. Lợi nhuận sau thuế năm 2014	**đồng**		**1,994,317,418**
8. Tổng lợi nhuận được phân chia năm 2014	**đồng**		**2,341,825,139**
9. Dự kiến phân chia lợi nhuận năm 2014	**đồng**		**2,341,825,139**
Trích quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế năm 2014)	đồng		99,715,871
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (8% lợi nhuận sau thuế năm 2014)	đồng		159,545,393
Chi trả cổ tức 10%/năm so với giá trị vốn góp (86,7% tổng lợi nhuận được phân phối)	đồng	2.029.589 x 10.000 * 10%	2,029,589,000
Lợi nhuận để lại chưa phân phối (2,3% tổng lợi nhuận được phân phối)	đồng		52,974,875
10. Số lượng cổ phần được chia cổ tức năm 2014	**cổ phần**		**2,029,589**
11. Giá sổ sách một cổ phần	**đồng**		**10,000**
12. Cổ tức mỗi cổ phần năm 2013	**đồng**		**1,000**

Số cổ tức mỗi cổ đông được hưởng = Số cổ tức mỗi cổ phần được hưởng (10%) x số cổ phần mà mỗi cổ đông sở hữu vào ngày 31/12/2014.

Số cổ tức thực tế được hưởng của các cổ đông như sau:

- Cổ đông là ĐSVN = 9.945.040.000 x 10% = 994.504.000đ
- Cổ đông là CBCNV Công ty = 4.254.190.000 x 10% = 425.419.000đ
- Cổ đông bên ngoài Công ty = 6.096.660.000 x 10% = 609.666.000đ

C. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

1. Tỷ số thanh toán:

*Tỷ số thanh toán hiện hành = $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$

= $\frac{103,918,751,797}{91,817,682,196}$ = 1.132

*Tỷ số thanh toán nhanh = $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$

$$= \frac{103.918.751.797 - 32.478.343.509}{91,817,682,196} = 0.778$$

2. Tỷ số hoạt động:

*Vòng quay các khoản phải thu = $\frac{\text{Doanh thu}}{\text{TB cộng ĐK và CK các khoản phải thu}}$

$$= \frac{79,178,268,769}{64,195,567,411} = 1.233$$

*Kỳ thu tiền bình quân = $\frac{365}{1.233}$ = 295.9 ngày

3. Hiệu suất sử dụng vốn:

* Hiệu suất sử dụng tài sản dài hạn = $\frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản dài hạn}}$

$$= \frac{79,178,268,769}{20,458,696,712} = 3.87$$

Tỉ số này cho biết cứ sử dụng 1 đồng tài sản dài hạn tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu.

* Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản = $\frac{\text{Doanh thu}}{\text{Toàn bộ tài sản}}$

$$= \frac{79,178,268,769}{124,377,448,509} = 0.64$$

Tỉ số này cho biết cứ sử dụng 1 đồng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu.

* Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần = $\frac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn cổ phần}}$

$$= \frac{79,178,268,769}{20,295,890,000} = 3.90$$

Tỉ số này cho biết cứ sử dụng 1đồng vốn cổ phần tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu.

4. Tỷ số sinh lợi:

* Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu = $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu}}$ x 100%

C.

$$= \frac{1,994,317,418}{79,178,268,769} \times 100\% = 2.52\ \%$$

Tỷ số sinh lợi trên doanh thu cho biết lợi nhuận chiếm bao nhiêu phần trăm trong doanh thu

* Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản = $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{}$ x 100%

= Tổng tài sản

= $\frac{1,994,317,418}{124,377,448,509}$ x 100% = 1.60 %

Tỷ số sinh lợi trên tổng tài sản cho biết hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp. Cứ sử dụng 100 đồng tài sản thì tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

* Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần = $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn cổ phần}}$ x 100%

= $\frac{1,994,317,418}{20,295,890,000}$ x 100% = 9.83 %

* Tỷ số sinh lợi trên vốn cổ phần cho biết cứ 100 đồng vốn cổ phần thì tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

4. Các tỷ số quản lý nợ

* Tỷ số nợ trên tài sản là **tỷ số đòn bẩy tài chính**. Tỷ số này cho biết có bao nhiêu tài sản của công ty được tài trợ từ nguồn vốn vay. Nợ vay được xem là tạo ra đòn bẩy.

*Tỷ số nợ trên tài sản = $\frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$ x 100%

= $\frac{91,817,682,196}{124,377,448,509}$ x 100%

= **74%**

Năm 2014, có 74% tài sản của công ty được tài trợ từ nguồn vốn vay. Điều này chứng tỏ công ty có đòn bẩy tài chính cao. Tuy nhiên, khi vay được tiền công ty luôn phải thực hiện một chuỗi thanh toán cố định. Vì vậy tiền ẩn nguy cơ rủi ro trong việc trả nợ, rủi ro trong biến động lãi suất ngân hàng.

* Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu là tỉ lệ % giữa nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữa của công ty, phản ánh năng lực quản lý nợ và quy mô tài chính của công ty. Tỷ số này lớn hơn 1 có nghĩa là công ty đi vay mượn nhiều hơn số tiền hiện có.

Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu = $\frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$ x 100%

= $\frac{91,817,682,196}{32,559,766,313}$ x 100%

= **282%**

Tổng nợ gấp 2,82 lần vốn vốn chủ sở hữu.

D. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

Tăng cường công tác kiểm soát và hoàn tất các thủ tục nghiệm thu khối lượng hoàn thành làm cơ sở thanh lý hợp đồng, đẩy mạnh công tác thu hôi vốn (đặc biệt các khoản thhu khách hàng quá hạn).

Xây dựng phương án nhân sự nhằm rà soát, đánh giá chất lượng lao động. Tiếp tục sử dụng lao động phù hợp với chuyên môn, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu công việc; giảm lực lượng lao động không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu công việc; xây dựng bộ máy SXKD gọn nhẹ, hiệu quả đảm bảo duy trì, ổn định công ty trong giai đoạn khó khăn.

Nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý và điều hành SXKD bằng cách tiếp tục tập huấn nâng cao năng lực quản lý tại chính, kế toán cho giám đốc và kế toán các chi nhánh.

Quán triệt tới toàn thể CBCNV về công tác thực hành tiết kiệm triệt để nhằm giảm chi phí tối đa về tài chính.

KẾT LUẬN:

Với tài liệu có được và thời gian xem xét thẩm định, Ban kiểm soát có kết luận sau:

- Thống nhất với các báo cáo của HĐQT, TGĐ trình bày trước đại hội cổ đông.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước trong năm 2014.
- Quá trình kiểm soát trong năm cho đến thời điểm thẩm định các báo cáo, Ban kiểm soát chưa phát hiện một hiện tượng tiêu cực nào của HĐQT và Ban điều hành; Đồng thời Ban kiểm soát cũng chưa nhận được phản ánh nào của cổ đông về công tác quản lý điều hành của HĐQT và Tổng giám đốc.

Nơi nhận:
- Hội đồng quản trị;
- Ban TGĐ;
- Đảng uỷ, CĐ, TN;
- Các Chi nhánh;
- Kiểm soát viên;
- Cổ đông tham dự đại hội;
- Lưu Ban kiểm soát.

BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

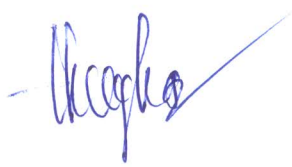

Nguyễn Thúy Hảo